

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THUY  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HSST  
Ngày 15 - 5 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Trung Tuân

2. Ông Lê Ngọc Thành

*Thư ký phiên toà:* Bà Đỗ Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:* Ông Lê Ngọc Diện, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 20/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 02/5/2019 đối với các bị cáo:

**1/ Lê Anh C, tên gọi khác: C B**

Sinh ngày 15 tháng 9 năm 1984 tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Quốc B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị U sinh năm 1959. Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 27/6/2013, Lê Anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104; “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 245; “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 cho đến nay, có mặt.

**2/ Lê Minh Tuấn**

Sinh ngày 10 tháng 6 năm 1982 tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Quốc B, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị U sinh năm 1959; Vợ: Huỳnh Thị B, sinh năm 1986.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2018 đến ngày 21/01/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

**3/ Trần Công Á, tên gọi khác: Á L**

Sinh ngày 26 tháng 01 năm 1982 tại xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình  
Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện L, Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Trần Công L, sinh năm 1948 và bà Ngô Thị N sinh năm 1951; Vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2018.  
Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2018 cho đến nay, có mặt.

**4/ Lê Văn T1**

Sinh ngày 11 tháng 4 năm 1996 tại xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình  
Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Văn K, sinh năm 1964 và bà Lê Thị D, sinh năm 1965. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2018 cho đến nay, có mặt.

**5/ Lê Văn T2**

Sinh ngày 29 tháng 12 năm 1989 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình.  
Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Văn B, sinh năm 1960 và bà Võ Thị D sinh năm 1964; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2017.  
Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**6/ Nguyễn Văn T**

Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1991 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình  
Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1963. Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**7/ Lê Chánh H1**

Sinh ngày 28 tháng 11 năm 1986 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình  
Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Chánh T (đã chết) và bà Võ Thị X, sinh năm 1944; Vợ: Ngô Thị P, sinh năm 1987 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**8/ Lê Chánh H2**

Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1983 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình  
Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

Không tôn giáo; con ông Lê Chánh T (đã chết) và bà Võ Thị X, sinh năm 1944; Vợ: Mã Thị N, sinh năm 1986 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**9/ Phan Thanh T, tên gọi khác: T S**

Sinh ngày 26 tháng 11 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Phan Thanh S, sinh năm 1960 và bà Lê Thị N, sinh năm 1964; Vợ: Phạm Thị V, sinh năm 1989 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2010.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**10/ Hoàng Quang L**

Sinh ngày 02 tháng 7 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, Thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Hoàng Quang T, sinh năm 1957 và bà Lê Thị V (đã chết), mẹ kế bà Hoàng Thị N, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2014.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**11/ Nguyễn Văn H**

Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, Thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Sửa chữa xe máy; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962; Vợ: Đỗ Thị L, sinh năm 1988 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2014 và nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**12/ Lê Xuân H**

Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1985 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình

Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Xuân H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Ngô Văn H, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Chị Ngô Thị H, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Chị Ngô Thị P, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn Trung T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Anh Dương Đệ P1, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
- Những người làm chứng:*
- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  - Chị Phạm Thị V, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm 6 T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, địa chỉ: Đội 4 T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973, địa chỉ: Đội 3 Q, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983, địa chỉ: Xóm 5 A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992, địa chỉ: Đội 5 A, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  - Chị Ngô Thị Hồng V, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
  - Anh Dương Đệ P2, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  - Ông Đinh Tiến D, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  - Chị Lê Thị L, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.
  - Anh Dương Đức H, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/9/2018, nhóm của Lê Chánh H1 gồm: H1, Lê Chánh H2 (anh ruột của H1), Ngô Thị P (vợ H1) và Ngô Văn H, Ngô Thị Hồng V, Ngô Thị H (đều là em ruột của P); nhóm của Lê Anh C gồm: C, Lê Minh T (anh ruột của C), Trần Công Á, Lê Văn T1 (ở C), Lê Văn T2 (ở L); Nguyễn Văn T, Phan Thanh T, Hoàng Quang L, Lê Xuân H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Phạm Thị V, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H đều đến hát Karaoke tại quán Karaoke T ở xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Đến khoảng 22 giờ 05 phút, nhóm của Lê Chánh H1 ra về. H1, H2, H ra sân lấy xe mô tô, còn chị V, chị H, chị P đứng chờ tính tiền ở quầy lễ tân. Trong lúc chị V, chị P và chị H đang đứng ở quầy lễ tân thì Lê Minh T và Lê Anh C từ phòng hát đi ra đứng ở quầy lễ tân để gọi đồ, thấy chị Vân đứng bên cạnh T khoác tay lên vai chị V và nói các em đi hát với nhóm này à, chị V hát tay T ra và nói anh làm cái

trò chi rứa, em không phải nhân viên ở đây. Lê Chánh H2 từ ngoài sân quán đi vào nói đây là người nhà của tui, thấy C đứng phía sau T, H2 quay sang giơ tay định bắt tay C thì ngay lập tức C dùng tay nắm vào mũi của H2 làm chảy máu; Ngô Văn H đi ngoài sân vào thấy H2 bị đánh chảy máu mũi, chạy ra ngoài cầm 01 gậy tre lao vào thì bị T rượt đuổi về phía bên trái phòng khách, Lê Anh C giật gậy từ tay Ngô Văn H đánh vào tay và thọc vào bụng của H1 rồi thả gậy xuống thì H1 nhặt gậy đánh C. Thấy C bị đánh, Lê Xuân H chạy đến nắm vào mặt H1, H1 bỏ chạy thì Lê Xuân H đuổi theo. Thấy H1 bị đánh, Lê Chánh H2 dùng thanh gỗ lao vào đánh Lê Xuân H. H1 dùng thanh tre đánh vào người H nên H bỏ chạy ra ngoài sân thì bị H1 đuổi theo dùng thanh tre đánh vào mặt. Lê Anh C xông đến thì bị Lê Chánh H2 dùng thanh gỗ đánh vào tay, C bị ngã nhưng đứng dậy ngay thì bị Lê Chánh H2 đá vào người, Lê Chánh H1 dùng thanh tre đánh vào đầu, Lê Chánh H2 tiếp tục nắm 01 cái làm C đội người, đập đầu vào bàn lễ tân.

Cùng lúc, tại góc tường bên phải, Ngô Văn H bị Lê Minh T đè xuống và nắm vào mặt, bị Nguyễn Văn H nắm và đập vào người và đầu. Thấy em ruột bị đánh, Ngô Thị Hồng V chạy đến cầm lấy chậu hoa ném vào đầu của T, còn Lê Chánh H1 cầm dùi tre đánh T. Khi Ngô Văn H bị Tuấn dồn vào góc tường thì Lê Văn T1 (C Thủy) dùng thắt lưng đánh, Lê Minh T ném 02 ly sứ vào người, Lê Văn T2 (L Thủy) cầm dùi đánh vào chân, Trần Công Á dùng thanh gỗ đánh vào người, bị Nguyễn Văn T dùng thanh tre đánh vào người.

Tại sân quán, Lê Anh C mang theo 01 thanh gỗ chạy từ ngoài cổng quán vào đánh vào đầu H2 thì bị H1 dùng thanh tre đánh vào đầu. Sau đó, cả 02 nhóm xông vào xâu ầu. Lê Văn T1 (C Thủy) dùng thắt lưng đánh H2, H2 bỏ chạy ra ngoài cổng quán Karaoke còn H2 bỏ chạy vào quán thì bị Phan Thanh T đuổi theo nắm vào người. Khi H1 chạy vào hành lang cạnh bàn lễ tân thì bị Lê Anh C cầm thanh gỗ đánh vào tay và đầu, H1 đi vào sâu phía hành lang và được anh Q dìu đỡ. Lê Văn T2 (L Thủy) tiếp tục xông vào dùng tay nắm vào mặt H1, Lê Văn T2 (C Thủy) cầm que tre đánh vào người H1. H1 bỏ chạy ra phía sân thì bị nhóm của Lê Anh C đuổi theo, C nắm vào mặt H1, T nắm và đập H1, Á cầm thanh gỗ đánh vào đầu H1. H1 tiếp tục bỏ chạy thì bị ngã, Lê Văn T2 (L Thủy) đá, Lê Xuân H nắm đá, Nguyễn Văn T nắm, Hoàng Quang L dùng chân đạp và dẫm lên ngực H1. Lúc này, H1 nằm bất tỉnh giữa sân thì Trần Công Á dùng thanh gỗ đánh, bị Lê Anh C cầm viên gạch đánh sau đó được Nguyễn Văn Q can ngăn.

Thấy H1 nằm bất tỉnh giữa sân, T đến kéo H1 ra phía góc hàng rào của cổng quán. Lê Anh C tiếp tục cầm gạch đánh, Lê Minh T đập vào người H1. Thấy H1 tỉnh lại, T tiếp tục dùng tay nắm vào mặt và đập vào người H1. Lúc này, Lê Chánh H2 mang theo 01 dùi gỗ chạy từ ngoài cổng quán vào thì bị T (L Thủy) giằng lấy, đồng thời bị Lê Thanh T, T1 (C Thủy) và T ôm lại rồi dùng tay nắm, T dùng tay, chân nắm, đá H2; C cầm gạch đánh vào đầu H2, H2 bỏ chạy về phía góc tường rào thì bị T2 (L Thủy) và T đuổi theo. T1 (T Thủy) dùng chân đá, T, C dùng tay nắm làm H2 ngã xuống, C tiếp tục xông vào đánh H2 thì được anh C và anh Q can ngăn.

Cùng thời điểm, tại quầy lễ tân, chị Ngô Thị Hồng V bị Lê Minh T xông vào dùng tay chân đấm, đá vào người. Á đến yêu cầu chị H đưa điện thoại ra xóa nội dung mà chị H quay lại vụ việc đồng thời dùng tay tát vào mặt chị H 01 cái, Phan Thanh T chạy đến chụp lấy điện thoại của chị H và ném xuống nền nhà. Lê Anh C đi vào cửa quán thấy anh Dương Đệ P (chủ quán karaoke ô kê) cùng mọi người đang nói chuyện thì dùng viên gạch đánh vào phía sau đầu anh P làm anh P bị thương. Hậu quả: Về người: Chị Ngô Thị P, chị Ngô Thị H; Lê Chánh H1, Lê Chánh H2; Ngô Văn H, Lê Anh C, Lê Minh T và Lê Xuân H bị thương tích đi điều trị tại bệnh viện. Anh Dương Đệ P và chị Ngô Thị Hồng V, bị thương nhẹ nên không đi bệnh viện điều trị. Về tài sản: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI - NOVA 2i của chị Ngô Thị H bị hỏng màn hình, mất nguồn. Anh Dương Đệ P bị hư hỏng 02 (hai) ly sứ uống trà loại nhỏ, 03 chậu hoa làm bằng sứ.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI - NOVA 2i, 01 cái kéo; các mảnh vỡ 3 chậu hoa và 02 ly sứ uống trà; 01 thanh tre; 04 thanh gỗ; 02 mảnh ván; 01 USB bên trong chứa dữ liệu được trích xuất từ 04 Camera của quán Karaoke Thiên Phú.

Tại bản kết luận giám định số 6042/C09-P6 ngày 05/12/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết thay đổi, chỉnh sửa hình ảnh trong các tệp video gửi giám định.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy tiến hành định giá và kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI – NOVA có trị giá 1.950.000đồng, 01 chậu hoa làm bằng sứ màu đen có trị giá 60.000đồng; 02 chậu hoa làm bằng sứ màu hồng có trị giá 160.000đồng; 02 ly sứ uống trà có trị giá 30.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm giám định y khoa - pháp y tỉnh Quảng Bình kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Lê Minh T 07%; Lê Anh C 36%; Lê Xuân H 11%; Lê Chánh H1 09%; Lê Chánh H2 12%; Ngô Văn H 7%.

Về trách nhiệm dân sự: Các bên tự thỏa thuận bồi thường.

Bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSNDLT ngày 19/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố các bị cáo Lê Anh C, Trần Công Á, Lê Minh T, Lê Văn T1, Lê Văn T2, Nguyễn Văn T, Lê Chánh H1 và Lê Chánh H2 về “Tội gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Phan Thanh T, Hoàng Quang L, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H về “Tội gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Anh C từ 30 đến 36 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Công Á từ 24 đến 30 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Minh T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989 từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Chánh H1 từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Chánh H2 từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Thanh T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Quang L từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Xuân H từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và không khấu trừ thu nhập.

Giao các bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ cho UBND xã nơi các bị cáo cư trú để giám sát, quản lý, giáo dục.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI - NOVA 2i, 01 cái kéo; các mảnh vỡ 3 chậu hoa và 02 ly sứ uống trà; 01 thanh tre; 04 thanh gỗ; 02 mảnh ván là những công cụ phạm tội và tài sản không có giá trị sử dụng. (Tất cả có đặc điểm như mô tả tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu).

Đối với 01 USB bên trong chứa dữ liệu được trích xuất từ 04 Camera của quán Karaoke T là chứng cứ trong vụ án lưu theo hồ sơ vụ án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Lê Anh C: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Trần Công Á: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Minh T: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Chánh H1: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Lê Chánh H2: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phan Thanh T: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Hoàng Quang L: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Nguyễn Văn H: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Lê Xuân H: Bị cáo đã biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Anh C, Trần Công Á, Lê Minh T, Lê Văn T1 sinh ngày 11/4/1996; Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Văn T, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2, Phan Thanh T, Hoàng Quang L, Nguyễn Văn H và Lê Xuân H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, những người làm chứng; tang vật vụ án đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Hành vi gây rối trật tự công cộng của các bị cáo đã làm náo động trật tự ở khu vực thôn T, xã T, huyện L, xâm phạm đến trật tự chung, vi phạm nếp sống văn minh, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Lê Anh C sử dụng gậy, thanh gỗ, viên gạch đánh nhau; Trần Công Á sử dụng thanh gỗ; Lê Minh T sử dụng cốc uống trà ném; Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 sử dụng thắt lưng, que tre; Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989 sử dụng dùi gỗ; Nguyễn Văn T sử dụng thanh tre; Lê Chánh H1 sử dụng gậy gỗ, thanh tre; Lê Chánh H2 sử dụng thanh gỗ đánh nhau gây mất an ninh trật tự, an toàn công cộng, gây nguy hiểm đến sức khỏe và tính mạng của

người khác. Gậy tre, thanh gỗ, các miếng ván, dây thắt lưng, cốc uống nước trà theo Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 17/4/2003 hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự là những hung khí nguy hiểm. Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H cùng tham gia gây rối trật tự công cộng với đồng bọn nhưng không sử dụng hung khí nguy hiểm đánh nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Anh C, Trần Công Á, Lê Minh T, Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996; Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Văn T, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2 phạm vào tội gây rối trật tự công cộng quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; các bị cáo Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H phạm vào tội gây rối trật tự công cộng quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo: Bị cáo Lê Anh C bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 27/6/2013, Lê Anh C bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 104; “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 2 Điều 245; “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 257 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 12/11/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt, ngày 17/9/2018 bị cáo phạm tội gây rối trật tự công cộng, tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 53, điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân không tốt. Bị cáo C được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại cho chủ quán cà phê T là anh Dương Đệ P, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2, Ngô Văn H là những người bị bị cáo đánh gây thương tích; bị cáo có bố là người có công với nước, đang được hưởng chế độ bệnh binh. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tất cả đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Công Á theo xác nhận của chính quyền địa phương có bố mẹ già yếu, vợ con thường xuyên đau ốm, là lao động chính trong gia đình; bố, mẹ của Á là người có công với nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; đã tác động gia đình khắc phục hậu quả sau khi phạm tội đó là bồi thường thiệt hại cho anh Dương Đệ P (chủ quán cà phê T); bồi thường thiệt hại cho Lê Chánh H1, Ngô Văn H là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về nhân thân: Bị cáo đã bị kết án, đã được xóa án tích nhưng tính chất, mức độ của tội phạm gây rối trật tự công cộng mới gây ra thuộc khoản 2 Điều 318 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm thuộc trường hợp nghiêm trọng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2018) của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo thuộc trường hợp

có nhân thân không tốt. Bị cáo Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 chưa có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt. Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, chưa có vi phạm gì tại địa phương; đã tác động gia đình khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại cho anh Dương Đệ P, Lê Chánh H2, Lê Chánh H1, Ngô Văn H là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Minh T chưa có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt. Bị cáo có bố là bệnh binh, được chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, chưa có vi phạm gì tại địa phương; sau khi phạm tội đã chủ động bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh Dương Đệ Phe, anh Ngô Văn H, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2 do bị cáo và đồng bọn gây ra là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Chánh H1 và Lê Chánh H2 trước khi phạm tội chưa có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt; các bị cáo có bố, mẹ là người có công với nước, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; sau khi phạm tội đã chủ động bồi thường, khắc phục hậu quả cho Lê Anh C, Lê Minh T và Lê Xuân H do các bị cáo gây ra là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn T1, sinh ngày 29/12/1989 chưa có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt. Chính quyền địa phương xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, chưa có vi phạm gì tại địa phương; đã cùng với đồng bọn khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại cho anh Dương Đệ P, Ngô Văn H, Lê Chánh H1 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T trước khi phạm tội chưa có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt. Chính quyền địa phương xác nhận chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, chưa có vi phạm gì tại địa phương và là lao động chính trong gia đình; bị cáo có ông ngoại là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo đã cùng đồng bọn khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại cho anh Dương Đệ P, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2, Ngô Văn H là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng Quang L không có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt. Chính quyền địa phương xác nhận bố mẹ bị cáo thường xuyên đau ốm nên bị cáo là lao động chính trong gia đình; đã cùng đồng bọn khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại cho anh Dương Đệ P, Lê Chánh H1 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Thanh T không có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt. Bị cáo có bố là người có công với nước, được tặng thưởng Huân chương chiến công; đã cùng đồng bọn khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại cho anh Dương Đệ P, chị Ngô Thị H, Lê Chánh H1 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn H không có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt; được chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, chưa có vi phạm gì tại địa phương; đã cùng đồng bọn khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt

hại cho anh Dương Đệ P, Ngô Văn H là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Xuân H chưa có tiền sự, tiền án và có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã cùng đồng bọn khắc phục hậu quả sau khi phạm tội bồi thường thiệt hại anh Dương Đệ P, Ngô Văn H, Lê Chánh H1 là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội sau 22 giờ, thời gian người dân xung quanh nghỉ ngơi sau một ngày làm việc. Các bị cáo la hét, đánh nhau gây lộn xộn, ồn ào tại quán Ka ra ô kê là nơi vui chơi, giải trí của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Lê Anh C dùng tay, gậy, thanh gỗ, viên gạch đánh H1 và H2. Trần Công Á dùng tay đánh chị H, dùng thanh gỗ đánh Lê Chánh H1. Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 dùng thắt lưng đánh anh Ngô Văn H, đánh H2; dùng gậy tre đánh H1 và đá, đâm Hoàng. Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989 dùng gậy tre đánh vào chân anh Ngô Văn H, dùng tay đánh H2, dùng chân đá H1. Lê Chánh H1 dùng gậy đánh C, đánh Lê Xuân H và đánh T. Lê Chánh H2 dùng thanh gỗ đánh Lê Xuân H, đánh C; dùng tay, chân đánh và đá C. Nguyễn Văn T dùng thanh tre đánh Ngô Văn H, dùng tay đâm H1, dùng chân đá H2. Lê Minh T dùng ly sứ ném vào người, dùng tay đánh Ngô Văn H; dùng tay, chân đánh H và chị V. Hoàng Quang L dùng chân đánh và đâm lên người H. Phan Thanh T dùng tay, chân đánh H1. Nguyễn Văn H dùng tay, chân đánh Ngô Văn H. Lê Xuân H dùng tay, chân đánh Ho. Các bị cáo gây thương tích cho nhau: Lê Minh T 07%; Lê Anh C 36%; Lê Xuân H 11%; Lê Chánh H1 09%; Lê Chánh H2 12%. Các bị cáo Lê Anh C, Lê Minh T, Trần Công Á, Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996, Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H gây thương tích cho anh Ngô Văn H 7%. Các bị cáo thuộc hai nhóm khác nhau, không quen biết, không thù oán, sau khi sử dụng rượu, bia không làm chủ được bản thân dẫn đến xô ẩu, đánh nhau nhưng không có bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Tuy nhiên, các bị cáo là thanh niên trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vì vậy phải có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi các bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo Lê Anh C chưa được xóa án tích tiếp tục phạm tội, Trần Công Á có nhân thân không tốt, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống. Mặc dù Lê Anh C là người bị gây thương tích nặng nhất (36%), bị cáo Trần Công Á không bị thương tích, nhưng bị cáo C phải chịu mức án cao hơn bị cáo Á, Hội đồng xét xử nhất trí giảm cho bị cáo Á đến mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Lê Minh T, Lê Văn T, sinh ngày 11/4/1996; Lê Chánh H1, Lê Chánh H2, Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Văn T, Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú

rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H tham gia với vai trò thứ yếu, phạm tội ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn có thể cải tạo được và xử phạt các bị cáo Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H, Nguyễn Văn H cải tạo không giam giữ cũng đủ sức răn đe, giáo dục, thể hiện sự phân hóa tội phạm. Các bị cáo L, T, H, H đều có nghề nghiệp nhưng thu nhập không ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử nhất trí không khấu trừ thu nhập đối với Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6] Trong vụ án, Lê Chánh H1 và Lê Chánh H2 gây thương tích Lê Anh C với tỷ lệ tổn thương cơ thể 36%, Lê Xuân H với tỷ lệ tổn thương cơ thể 11%. Lê Chánh H1, Ngô Thị Hồng V gây thương tích Lê Minh T với tỷ lệ tổn thương cơ thể 07%. Lê Anh C, Lê Minh T, Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 và Nguyễn Văn T gây thương tích Lê Chánh H2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 12%. Lê Anh C, Trần Công Á, Phan Thanh T, Lê Minh T, Hoàng Quang L, Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Lê Xuân H và Nguyễn Văn T gây thương tích Lê Chánh H1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 09%. Lê Anh C, Lê Minh T, Trần Công Á, Hoàng Quang L, Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Lê Xuân H, Nguyễn Văn H, Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 và Nguyễn Văn T gây thương tích Ngô Văn H với tỷ lệ tổn thương cơ thể 07%. Tuy nhiên H2 và H1 gây thương tích cho C trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Lê Anh C, Lê Minh T, Trần Công Á, Nguyễn Văn T, Lê Văn T1, Lê Chánh H1, Lê Văn T2 và Lê Chánh H2 dùng hung khí gây thương tích nhưng xét thấy hành vi của các bị cáo mang tính tự phát không có sự bàn bạc trước nên các bị cáo chỉ chịu trách nhiệm độc lập về hành vi, hậu quả gây ra. Những người bị thương tích không có đơn yêu cầu khởi tố, vì vậy cơ quan chức năng không xử lý về hành vi “Cố ý gây thương tích” đối với Lê Anh C, Lê Minh T, Trần Công Á, Nguyễn Văn T1, Lê Văn T, Lê Chánh H1, Lê Văn T2, Lê Chánh H2, Lê Xuân H, Phan Thanh T, Nguyễn Văn H và Hoàng Quang L.

Ngô Văn H là người cầm gây tre xông vào đầu tiên nhưng chưa đánh ai và bị Lê Anh C, Lê Minh T, Trần Công Á, Hoàng Quang L, Lê Văn T2 (sinh ngày 29/12/1989), Lê Xuân H, Nguyễn Văn H, Lê Văn T1 (sinh ngày 11/4/1996), Nguyễn Văn T gây thương tích 7%; Ngô Thị Hồng V đánh Lê Minh T chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng tại phiên tòa cũng cần thiết nhắc nhở Ngô Văn H và Ngô Thị Hồng V ý thức tuân thủ pháp luật.

Hành vi của Phan Thanh T ném điện thoại của chị Ngô Thị H làm hư hỏng, thiệt hại trị giá 1.950.000 đồng nên không cấu thành tội phạm.

Tài sản của anh Dương Đệ P1 gồm ly sứ uống trà, chậu hoa bị vỡ có tổng trị giá 250.000 đồng nên không đủ cơ sở xử lý các đối tượng về “Tội hủy hoại tài sản”.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường dân sự, tại phiên tòa không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy đã tạm giữ 01 thanh tre, 04 thanh gỗ, 02 mảnh ván là công cụ phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI - NOVA 2i, các mảnh vỡ 3 chậu hoa, 01 cái kéo và 02 ly uống trà là các tài sản không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 USB bên trong chứa dữ liệu được trích xuất từ 04 Camera của quán Karaoke T là chứng cứ trong vụ án lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 dây thắt lưng Lê Văn T1 sử dụng trong vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được, T1 khai đã làm mất trong quá trình đi làm ăn tại thành phố Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Căn cứ vào Điều 318 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Anh C, Trần Công Ái Lê Minh T, Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996; Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989; Nguyễn Văn T, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2, Hoàng Quang L, Phan Thanh T, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H phạm tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Anh C, tên gọi khác: C BẦU 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (10/10/2018).

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Công Ái, tên gọi khác: Á L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (03/10/2018).

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo Lê Văn T1 cho UBND xã C Thủy, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2019) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Minh T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám)

tháng. Giao bị cáo Lê Minh T cho UBND xã L Thủy, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2019) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn T2, sinh ngày 29/12/1989 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo Lê Văn T2 cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2019) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2019) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Chánh H1 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo Lê Chánh H1 cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2019) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Chánh H2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Giao bị cáo Lê Chánh H2 cho UBND xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2019) nếu bản án không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Thanh T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Quang L 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318, Điều 36, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Xuân H 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Anh C, tên gọi khác: C B; Trần Công Á, tên gọi khác: Á L với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

Trả tự do ngay tại phiên tòa Lê Văn T1, sinh ngày 11/4/1996 nếu không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác theo quyết định trả tự do cho bị cáo của Hội đồng xét xử.

2/ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 thanh tre, 04 thanh gỗ, 02 mảnh ván là công cụ phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI - NOVA 2i, các mảnh vỡ 3 chậu hoa, 01 cái kéo và 02 ly uống trà không có giá trị sử dụng (Tất cả các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/3/2019 giữa Công an huyện Lệ Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình).

Đối với 01 USB bên trong chứa dữ liệu được trích xuất từ 04 Camera của quán Karaoke Thiên Phú là chứng cứ trong vụ án lưu theo hồ sơ vụ án.

3/ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Lê Anh C, tên gọi khác: C B; Trần Công Á, tên gọi khác: Á L, Lê Minh T, Lê Văn T1 (sinh ngày 11/4/1996), Lê Văn T2 (sinh ngày 29/12/1989), Nguyễn Văn T, Lê Chánh H1, Lê Chánh H2, Phan Thanh T, Hoàng Quang L, Lê Xuân H và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (15/5/2019); người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Công an huyện Lệ Thủy (02 bản);
- THA phạt tù;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Sơn**